

Số: 18/2021/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 16 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định chế độ chi bảo đảm hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lào Cai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm
2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quy định về chế độ, chính sách
và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Xét Tờ trình số 15/TTr-KTNS ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Ban Kinh tế
- Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định chế độ chi đảm
bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra
số 159/BC-BPC ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chế độ chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khóa XVI - Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2021, thay thế Nghị quyết số 72/2016/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định chế độ chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lào Cai./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước khu vực VII;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT: HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- TT: HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Công báo; Báo Lào Cai; Đài PT-TH; Cổng TTĐT tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Xuân Cường





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Chế độ chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lào Cai
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND
ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định về một số chế độ chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp tỉnh Lào Cai.
2. Các chế độ chi khác không có trong quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thường trực HĐND; các ban HĐND; các tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND các cấp.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ chi bảo đảm hoạt động của HĐND.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động của HĐND quy định tại Nghị quyết này là kinh phí hoạt động đặc thù của HĐND các cấp, do ngân sách địa phương bảo đảm. Ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới để thực hiện những nội dung: Chế độ chi phục vụ kỳ họp; chi cho hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra; chi tiếp xúc cử tri; chi hỗ trợ các chức danh HĐND hoạt động kiêm nhiệm; chi hỗ trợ may trang phục; hỗ trợ đại biểu khai thác và nhận tài liệu; chế độ tặng quà lưu niệm cho đại biểu khi kết thúc nhiệm kỳ.
2. Ngân sách các cấp chính quyền địa phương bố trí kinh phí cho hoạt động của HĐND cùng cấp, phân bổ dự toán kinh phí hằng năm cho cơ quan phục vụ hoạt động của HĐND cấp mình (Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; Văn phòng HĐND và Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện; UBND cấp xã).
3. Mức chi quy định cho các hoạt động chung như giám sát, khảo sát, thẩm tra là mức khoán để thực hiện các công việc: Xây dựng kế hoạch, đề cương; giám sát, khảo sát thực tế và tổng hợp báo cáo. Căn cứ yêu cầu công việc, trưởng bộ phận chủ trì thực hiện quyết định mức chi cho từng cá nhân.



Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chế độ chi phục vụ kỳ họp

1. Chi tiền ăn cho đại biểu HĐND, khách mời dự kỳ họp và cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ kỳ họp:

a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày.

b) Cấp huyện: Thành phố Lào Cai và thị xã Sa Pa: 300.000 đồng/người/ngày; các huyện khác: 250.000 đồng/người/ngày.

c) Cấp xã: Các phường thuộc thành phố Lào Cai và thị xã Sa Pa: 200.000 đồng/người/ngày; các xã, thị trấn còn lại: 150.000 đồng/người/ngày.

d) Mức tiền ăn tổng kết kỳ họp: Bằng mức tiền ăn 01 ngày của đại biểu.

2. Chi tiền nước uống, ăn điểm tâm giữa giờ cho đại biểu và khách mời:

a) Cấp tỉnh: 30.000 đồng/người/buổi.

b) Cấp huyện: 25.000 đồng/người/buổi.

c) Cấp xã: 20.000 đồng/người/buổi.

3. Chi tiền thuê phòng nghỉ cho đại biểu, khách mời ở xa: Bằng mức chi tiền thuê phòng nghỉ khi đi công tác theo quy định hiện hành của tỉnh.

4. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận trước kỳ họp và tại kỳ họp; báo cáo tổng hợp tiếp thu giải trình của Thường trực HĐND; báo cáo kết quả kỳ họp:

a) Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/báo cáo.

b) Cấp huyện: 1.000.000 đồng/báo cáo.

c) Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo.

5. Chi xây dựng Nghị quyết cá biệt của Hội đồng nhân dân (Nghị quyết do Thường trực HĐND, các ban HĐND chủ trì soạn thảo, trừ nghị quyết phê chuẩn, miễn nhiệm các chức danh do HĐND bầu):

a) Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/nghị quyết.

b) Cấp huyện: 1.000.000 đồng/nghị quyết.

c) Cấp xã: 500.000 đồng/nghị quyết.

Điều 5. Chi cho hoạt động giám sát, khảo sát

1. Chi cho giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, các ban HĐND:

a) Cấp tỉnh: 7.000.000 đồng/cuộc giám sát.

b) Cấp huyện: 5.000.000 đồng/cuộc giám sát.

c) Cấp xã: 2.000.000 đồng/cuộc giám sát.

2. Chi cho giám sát của tổ đại biểu:

- a) Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/cuộc giám sát.
- b) Cấp huyện: 3.000.000 đồng/cuộc giám sát.
- 3. Chi cho khảo sát của Thường trực HĐND, các ban HĐND:
 - a) Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/ cuộc khảo sát.
 - b) Cấp huyện: 1.500.000 đồng/cuộc khảo sát.
 - c) Cấp xã: 500.000 đồng/cuộc khảo sát.

Điều 6. Chi cho hoạt động thẩm tra

- 1. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo trình tại kỳ họp HĐND:
 - a) Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/báo cáo thẩm tra.
 - b) Cấp huyện: 1.500.000 đồng/báo cáo thẩm tra.
 - c) Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo thẩm tra.
- 2. Thẩm tra các báo cáo, tờ trình, văn bản giữa hai kỳ họp:
 - a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/báo cáo thẩm tra.
 - b) Cấp huyện: 500.000 đồng/báo cáo thẩm tra.
 - c) Cấp xã: 300.000 đồng/báo cáo thẩm tra.

Điều 7. Chi tiếp xúc cử tri

- 1. Hỗ trợ cho các điểm tiếp xúc cử tri để chi phí: Trang trí, khánh tiết, hội trường, điện nước, âm thanh, nước uống...:
 - a) Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/điểm tiếp xúc.
 - b) Cấp huyện: 2.000.000 đồng/điểm tiếp xúc.
 - c) Cấp xã: 1.000.000 đồng/điểm tiếp xúc.
- 2. Tổng hợp kết quả tiếp xúc cử tri:
 - a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo/điểm tiếp xúc.
 - b) Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo/điểm tiếp xúc.
 - c) Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo/điểm tiếp xúc.
- 3. Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri trình kỳ họp HĐND:
 - a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/báo cáo.
 - b) Cấp huyện: 700.000 đồng/báo cáo.
 - c) Cấp xã: 300.000 đồng/báo cáo.

Điều 8. Chi cho các cuộc họp của Thường trực HĐND, các ban HĐND, tổ đại biểu HĐND

- 1. Chi hỗ trợ việc trang trí, khánh tiết, hội trường, nước uống:
 - a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/cuộc họp.

b) Cấp huyện: 600.000 đồng/cuộc họp.

c) Cấp xã: 300.000 đồng/cuộc họp.

2. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của các tổ đại biểu tại các địa phương trước kỳ họp HĐND:

a) Cấp tỉnh 500.000 đồng/báo cáo.

b) Cấp huyện 200.000 đồng/báo cáo.

Điều 9. Chi tiền lương, hoạt động phí, hỗ trợ các chức danh HĐND kiêm nhiệm

1. Chi tiền lương, hoạt động phí cho đại biểu HĐND: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Chi hỗ trợ các chức danh HĐND hoạt động kiêm nhiệm:

a) Chủ tịch HĐND cấp tỉnh, cấp huyện; Trưởng ban HĐND cấp tỉnh, cấp huyện: Thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác theo quy định của chế độ tiền lương hiện hành.

b) Chủ tịch HĐND cấp xã kiêm nhiệm: Thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm chức danh theo quy định hiện hành đối với cán bộ, công chức cấp xã.

c) Các chức danh khác:

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ (đồng/người/tháng)		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Trưởng ban kiêm nhiệm			400.000
2	Phó Trưởng ban kiêm nhiệm	800.000	500.000	300.000
3	Tổ trưởng tổ đại biểu	1.000.000	500.000	
4	Tổ phó tổ đại biểu	800.000	400.000	

Điều 10. Chi hỗ trợ may trang phục

1. Đại biểu HĐND được hỗ trợ may trang phục, định mức 02 bộ/người/nhiệm kỳ:

a) Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/bộ.

b) Cấp huyện: 4.000.000 đồng/bộ.

c) Cấp xã: 3.000.000 đồng/bộ.

2. Cán bộ, công chức và người lao động thuộc Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện; UBND cấp

xã trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động của HĐND được hỗ trợ may trang phục, định mức 02 bộ/người/05 năm (trùng với nhiệm kỳ của HĐND):

- a) Cấp tỉnh: 4.000.000 đồng/bộ.
- b) Cấp huyện: 3.000.000 đồng/bộ.
- c) Cấp xã: 2.000.000 đồng/bộ.

Điều 11. Một số chế độ chi khác.

1. Chi hỗ trợ đại biểu HĐND khai thác và nhận tài liệu điện tử:

- a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/tháng.
- b) Cấp huyện: 300.000 đồng/người/tháng.
- c) Cấp xã: 200.000 đồng/người/tháng.

2. Chi trang cấp thiết bị phục vụ công việc:

a) Đại biểu HĐND tỉnh được cấp máy tính bảng để nhận và đọc tài liệu. Định mức 01 máy/người/nhiệm kỳ. Mức chi tối đa 15.000.000 đồng/máy.

b) Đại biểu HĐND tỉnh hoạt động chuyên trách được trang bị máy tính xách tay để làm việc. Định mức 01 máy/người/nhiệm kỳ. Mức chi tối đa 15.000.000 đồng/máy.

c) Căn cứ yêu cầu công việc, điều kiện và khả năng ngân sách địa phương, Thường trực HĐND cấp huyện, cấp xã quyết định trang bị thiết bị cho đại biểu HĐND cấp mình.

3. Chi tham vấn nhân dân; thuê chuyên gia tư vấn phục vụ hoạt động của HĐND: Căn cứ nội dung và tính chất từng hoạt động, Thường trực HĐND các cấp xem xét và quyết định cụ thể.

4. Chi cho đại biểu HĐND đi tham quan, học tập kinh nghiệm và trao đổi kỹ năng hoạt động: Căn cứ điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách của từng cấp, Thường trực HĐND các cấp quyết định kế hoạch thực hiện.

5. Đại biểu HĐND ốm nằm viện được thăm hỏi không quá 02 lần/năm:

- a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người/lần.
- b) Cấp huyện: 500.000 đồng/người/lần.
- c) Cấp xã: 300.000 đồng/người/lần.

6. Đại biểu HĐND từ trần; có cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng), con từ trần được phúng viếng:

- a) Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/người.
- b) Cấp huyện: 1.500.000 đồng/người.
- c) Cấp xã: 1.000.000 đồng/người.

7. Đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp huyện được hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm:

a) Đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp huyện đồng thời là cán bộ thuộc diện Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy quản lý: Thực hiện theo chế độ hiện hành của tỉnh về khám sức khỏe định kỳ, khám chữa bệnh thường kỳ đối với cán bộ tỉnh Lào Cai thuộc diện Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy quản lý.

b) Đại biểu HĐND tỉnh không phải là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Được hưởng chế độ khám sức khỏe định kỳ tương đương với đối tượng Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý;

c) Đại biểu HĐND cấp huyện không phải là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy quản lý: Được hưởng chế độ khám sức khỏe định kỳ tương đương với đối tượng Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy quản lý.

8. Đại biểu HĐND bị bệnh hiểm nghèo, tai nạn, thiên tai được hỗ trợ khó khăn đột xuất không quá 02 lần/nhiệm kỳ:

a) Cấp tỉnh: Tối đa 5.000.000 đồng/người/lần. Tùy từng trường hợp cụ thể, Thường trực HĐND quyết định mức trợ hỗ trợ cho phù hợp;

b) Cấp huyện và cấp xã: Tùy từng trường hợp cụ thể và khả năng ngân sách, Thường trực HĐND từng cấp quyết định mức hỗ trợ cho phù hợp, nhưng không cao hơn mức tối đa quy định tại điểm a khoản này.

9. Chế độ tặng quà lưu niệm cho đại biểu HĐND khi kết thúc nhiệm kỳ:

a) Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người.

b) Cấp huyện: 2.000.000 đồng/người.

c) Cấp xã: 1.000.000 đồng/người.

10. Cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh được thăm hỏi ốm đau, phúng viếng, khám sức khỏe định kỳ, trợ cấp khó khăn đột xuất, mức chi như đối với đại biểu HĐND tỉnh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào chế độ, định mức chi tiêu tài chính hiện hành của Nhà nước, của tỉnh và quy định tại Nghị quyết này, Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện để bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp đạt hiệu quả.

2. Hằng năm, Thường trực HĐND các cấp chỉ đạo cơ quan phục vụ hoạt động của HĐND phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp lập dự toán kinh phí hoạt động của HĐND cấp mình, thực hiện chấp hành dự toán và báo cáo quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước./.